TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 495/2019/DSST
Ngày 14 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Hương

2. Bà Vũ Thị Thân

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vương Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2019/TLST-DS ngày 14/6/2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-DS ngày 02/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2019/QĐST-DS ngày 24/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên XXXXXX; địa chỉ: Tầng x, Tòa nhà REE tower, số x Đoàn Văn Bơ, Phường x, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T; địa chỉ: Tầng x, Tòa nhà Cộng Hòa Garden, số x Cộng Hòa, Phường x, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 1101/UQTA-VH.19 ngày 22/5/2019) (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/10/2019); vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Ngọc Th, sinh năm 1992; địa chỉ: x Hồng Bàng, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2019 và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên vào ngày 27/8/2015, bà Võ Thị Ngọc Th có ký giấy Đề nghị vay

vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150828-100246-0015 với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên XXXXXX (gọi tắt là Công ty X) vay số tiền là 20.687.955 đồng; lãi suất là 2,91%/ tháng; mục đích là để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Võ Thị Ngọc Th có trách nhiệm thanh toán số tiền là 31.406.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng; trong 29 tháng đầu thì mỗi tháng trả 1.045.000 đồng, tháng cuối trả 1.098.000 đồng; thanh toán vào ngày 01 hàng tháng; bắt đầu từ ngày 01/10/2015.

Thực hiện hợp đồng, bà Võ Thị Ngọc Th đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho Công ty X tổng số tiền là 7.315.000 đồng. Kể từ ngày 06/4/2016 đến nay, bà Th không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù công ty đã nhắc nhở.

Do bà Võ Thị Ngọc Th trễ hạn thanh toán nên Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th thanh lý hợp đồng, trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau: Nợ gốc là 17.360.530 đồng và tiền nợ lãi là 6.727.470 đồng. Tổng cộng, bà Th phải thanh toán số tiền là 24.088.000 đồng; trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 24/10/2019 nên vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến bổ sung.

* Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là bà Võ Thị Ngọc Th nhưng phía bị đơn đã không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của phía bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Hợp đồng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện thỏa thuận. Việc bà Võ Thị Ngọc Th không thực hiện việc trả nợ đúng kỳ hạn là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Võ Thị Ngọc Th phải trả Công ty X số tiền 24.088.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ tranh chấp: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên XXXXXX khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Ngọc Th yêu cầu thanh toán tiền nợ theo giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150828-100246-0015 ngày 27/8/2015. Căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là bà Võ Thị Ngọc Th hiện đang cư trú tại địa chỉ x Hồng Bàng, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn – bà Võ Thị Ngọc Th đăng ký cư trú tại số nhà x Hồng Bàng, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn và phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường 16, Quận 11. Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa 24/10/2019 đương sự vắng mặt. Tòa án tiếp tục tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ngày 24/10/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về chứng cứ của vụ án:

Phía nguyên đơn đã nộp bản sao giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150828-100246-0015 ngày 27/8/2015 và bản sao Văn bản thỏa thuận ngày 28/8/2015 được ký kết giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên XXXXXX và bà Võ Thị Ngọc Th, đồng thời nộp các chứng cứ khác về tình trạng pháp lý của nguyên đơn, nhân thân của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, thông báo yêu cầu phản hồi ý kiến vào các ngày 24/7/2019 và ngày 18/9/2019 nhưng bị đơn không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp, không tham gia phiên hòa giải. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là tài liệu bản sao; đồng thời bị đơn không có văn bản phản đối nội dung và tính pháp lý của các tài liệu, văn bản là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bản sao giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150828-100246-0015 ngày 27/8/2015, bản sao Văn bản thỏa thuận ngày 28/8/2015 là chứng cứ để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; đồng thời xem xét cùng với các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

4.1. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc:

Công ty X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Ngọc Th trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 17.360.530 đồng. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện bà Th đã vay số tiền là 20.687.955 đồng; lãi suất là 2,91%/ tháng; mục đích là để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Võ Thị Ngọc Th có trách nhiệm thanh toán số tiền là 31.406.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng; trong 29 tháng đầu thì mỗi tháng trả 1.045.000 đồng, tháng cuối trả 1.098.000 đồng; thanh toán vào ngày 01 hàng tháng; bắt đầu từ ngày 01/10/2015. Bà Th đã thanh toán cho Công ty X tổng số tiền là 7.315.000 đồng. Số tiền gốc còn lại chưa thanh toán là 17.360.530 đồng. Kể từ ngày 06/4/2016 thì bị đơn không tiếp tục thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn, vi phạm nghĩa thanh toán của giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150828-100246-001 ngày 27/8/2015, vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ.

Tại Khoản 1 Điều 466 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn"*.

Tại điểm 7.1 Điều 7 Phần II của Hợp đồng số 20150828-100246-0015 quy định về quyền và nghĩa vụ của bên vay như sau: "*Bên vay có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, tiền lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này. Bên vay phải tuân thủ phương thức thanh toán và phải thanh toán theo trình tự, quy trình đã được thỏa thuận*".

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện đòi lại số nợ chưa thanh toán là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc còn lại 17.360.530 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

4.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ lãi:

Xét điểm 2.2 Điều 2 Phần II của giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150828-100246-0015 ngày 27/8/2015 thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay là 2,91%/tháng.

Tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*".

Tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*''và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này.*".

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Bà Võ Thị Ngọc Th đã thanh toán được cho Công ty số tiền 7.315.000 đồng; Công ty X yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trong hạn còn lại là 6.727.470 đồng, không yêu cầu tiền lãi quá hạn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Võ Thị Ngọc Th phải trả cho Công ty X số tiền 24.088.000 đồng, gồm: nợ gốc là 17.360.530 đồng và nợ lãi là 6.727.470 đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Võ Thị Ngọc Th còn phải trả tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày xét xử sơ thẩm 14/11/2019 cho đến khi bà Th thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất bà Th đã thỏa thuận với Công ty X.

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên XXXXXX là tổ chức tín dụng có chức năng kinh doanh tiền tệ. Việc bị đơn chậm thanh toán nợ như trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Võ Thị Ngọc Th phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của bị đơn:

Trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị Ngọc Th nhưng bà Th vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền lợi của mình, cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ và không có cơ sở để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 24.088.000 đồng và được Tòa án chấp nhận toàn bộ. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự là 1.204.400 đồng (một triệu hai trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên XXXXXX về việc yêu cầu bà Võ Thị Ngọc Th trả nợ.

Buộc bà Võ Thị Ngọc Th có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên XXXXXX số tiền còn nợ tính đến ngày 14/11/2019 là 24.088.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng); trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Ngọc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.204.400 đồng (một triệu hai trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm đồng).

Hoàn lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên XXXXXX số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 602.200 đồng (sáu trăm lẻ hai nghìn hai trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0010239 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Võ Thị Ngọc Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên XXXXXX thì lãi suất mà bà Võ Thị Ngọc Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên XXXXXX.

Trong trường hợp bản án, được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Cơ Dũng